

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/HS-ST
Ngày 27-4-2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ;

Ông Nguyễn Quốc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Thái Hoàng Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/HSST-QĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/HSST-QĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2022/HSST-QĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Phạm Hữu L, sinh năm 1983 tại Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp A M, xã A Đ, thị xã B C, tỉnh BD; nghề nghiệp: Cơ khí; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị C; có vợ là Đỗ Thị Bé N và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30 tháng 12 năm 2020 cho đến nay, có mặt.

2. Trần Đình B, sinh năm 1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đ Q, phường P, Quận , T; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc M và bà Phạm Thị Th; có vợ đã ly hôn và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30 tháng 12 năm 2020 cho đến nay, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: ông Hoàng Nảy V, sinh năm 1969; nơi cư trú: Phan Anh, khu phố 2, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Hữu L và Trần Đình B có mối quan hệ quen biết thông qua mạng xã hội và đều là những đối tượng nghiện ma túy.

Khoảng 10 giờ ngày 30 tháng 12 năm 2020, Phạm Hữu L điện thoại cho Trần Đình B hỏi mua ma túy đá và yêu cầu B đem ma túy xuống nhà của L tại ấp An Mỹ, xã An Điền, thị xã B C, tỉnh Bình Dương bán cho L, B đồng ý. Sau đó, B điều khiển xe mô tô biển số 59A3-05737 đi từ Thành phố Hồ Chí Minh đến thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương gặp một người đàn ông thường gọi chú Tư (không rõ họ tên, địa chỉ) mua một gói ma túy với giá 3.800.000 đồng. Khoảng 14 giờ cùng ngày, B đến nhà của L bán ma túy lại cho L với giá 5.500.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, L rủ B đến nhà nghỉ Bình Minh địa chỉ tại khu phố Đồng Sở, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương để sử dụng ma túy, B đồng ý. Khi đến nhà nghỉ Bình Minh, L thuê phòng trọ số 105 cho mình và thuê phòng trọ số 106 cho B. Sau đó, L đem gói ma túy vừa mua của L cất giấu vào dưới ghế ngồi trong phòng 105. L mang ma túy, cùng bộ dụng cụ sử dụng ma túy qua phòng 106 cùng sử dụng với B. Khi L và B đang sử dụng ma túy thì bị lực lượng Công an kiểm tra hành chính và phát hiện.

Vật chứng tạm giữ:

- 01 (một) gói nilon miệng kéo dính chứa chất màu trắng dạng tinh thể thu của Phạm Hữu L;

- 01 (một) bình thủy tinh; 01 (một) ống thủy tinh (nỏ), 01 (một) ống hút nhựa;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A83 màu trắng bạc có gắn sim số thu của Phạm Hữu L;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A52 màu trắng bạc có gắn sim số thu của Trần Đình B;

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu BENELLI biển số 59A3-05737, số khung: LBBP10002FB-554904, số máy: BJ265MNA-48506028 thu của Trần Đình B.

- Tiền mặt 5.300.000 đồng thu của Trần Đình B.

Theo Kết luận giám định số 817/MT-PC09 ngày 05/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 5,9204 gam, loại Methamphetamine.

Hoàn lại đối tượng giám định: Mẫu vật sau giám định được niêm phong có khối lượng: 5,7025 gam.

Quá trình điều tra, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định nêu trên.

Đối với chủ nhà nghỉ Bình Minh không biết L và B thuê phòng làm địa điểm tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

Đối với đối tượng đã bán ma túy cho B, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số: 79/CTVKSB ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Phạm Hữu L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 và khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Truy tố bị cáo Trần Đình B về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm điểm g khoản 2 Điều 249 và khoản 1 Điều 255 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Hữu L với mức án từ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng đến 06 (sáu) năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Hữu L với mức án từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu BENELLI biển số 59A3-05737, số khung: LBBP10002FB-554904, số máy: BJ265MNA-48506028 mà Trần Đình B sử dụng làm phương tiện bán ma túy cho Phạm Hữu L. Qua xác minh chiếc xe này do ông Hoàng Nải V đứng tên chủ sở hữu. Ông V đã bán chiếc xe trên cho Trần Đình B vào cuối năm 2019. Việc mua bán chỉ là đưa đủ tiền rồi nhận xe và giấy tờ xe. Sau khi mua xong, B sử dụng đi lại và làm mất giấy tờ chiếc xe trên. Bị cáo Trần Đình B sử dụng chiếc xe này thực hiện việc mua bán ma túy cho Phạm Hữu L là công cụ, phương tiện để phạm tội, đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với khối lượng ma túy loại Methamphetamine sau giám định là vật chứng của vụ án thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên đề nghị tịch thu và tiêu hủy. Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A83 màu trắng bạc có gắn sim số thu của Phạm Hữu L, 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A52 màu trắng bạc có gắn sim số thu của Trần Đình B là công cụ các bị cáo liên lạc để mua bán ma túy dùng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 (một) bình thủy tinh; 01 (một) ống thủy tinh (nỏ), 01 (một) ống hút nhựa dụng cụ các bị cáo sử dụng ma túy nên tịch thu tiêu hủy.

Số tiền bị cáo B bán ma túy cho bị cáo L được 5.500.000 đồng. Tuy nhiên, B đã tiêu xài cá nhân 200.000 đồng. Thu giữ 5.300.000 đồng. Như vậy, số tiền 5.300.000 đồng là tiền do phạm tội mà có, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Yêu cầu bị cáo B tiếp tục nộp lại 200.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt không ghi nhận được ý kiến.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Phạm Hữu L: Hành vi của bị cáo là sai trái, vi phạm pháp luật. Bị cáo rất ăn năn và hối hận, bị cáo xin được hưởng sự khoan hồng của Nhà nước và pháp luật để bị cáo có cơ hội sớm được trở về hòa nhập với xã hội.

Bị cáo Trần Đình B: Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật. Bị cáo rất ăn năn và hối hận, bị cáo xin được hưởng sự khoan hồng của Nhà nước và pháp luật để bị cáo có cơ hội sớm được trở về hòa nhập với xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Hữu L đã thành khẩn khai nhận hành vi tàng trữ và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo Trần Đình B đã thành khẩn khai nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy như nội dung Cáo trạng

của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ thu giữ trong vụ án, lời khai của những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại nhà nghỉ Bình Minh thuộc thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương bị cáo L đã có hành vi tàng trữ 5,9204 gam ma túy, loại Methamphetamine và tổ chức sử dụng cùng Trần Đình B. Bị cáo B bán ma túy cho bị cáo L với khối lượng 5,9204 gam, loại Methamphetamine. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Phạm Hữu L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 và khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo Trần Đình B phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét thấy, các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Đồng thời, xâm phạm nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội, gây hệ quả xấu cho con người, là nguyên nhân gây ra các căn bệnh xã hội và các loại tội phạm khác. Về nhận thức, các bị cáo biết được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là trái quy định của pháp luật nhưng để có tiền tiêu xài và thỏa mãn cơn nghiện cho bản thân, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

[3.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[3.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đối với bị cáo L có ông nội là liệt sĩ, bà nội được tặng huân chương kháng chiến hạng nhất nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tiền thu lợi bất chính: Bị cáo B phải nộp lại số tiền 200.000 đồng này vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

[6] Về vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu BENELLI biển số 59A3-05737, số khung: LBBP10002FB-554904, số máy: BJ265MNA-48506028 mà Trần Đình B sử dụng làm phương tiện bán ma túy cho Phạm Hữu L. Xe này do ông Hoàng Nải V đứng tên chủ sở hữu. Ông V đã bán chiếc xe trên cho bị cáo B.

Bị cáo B sử dụng chiếc xe này thực hiện việc mua bán ma túy cho Phạm Hữu L là công cụ phương tiện phạm tội, nên Hội đồng xét xử tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 (một) bì thư được niêm phong ghi số 817/PC09 có chứa 5,7025 gam ma túy loại Methamphetamine là vật chứng của vụ án thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên tịch thu và tiêu hủy. Đối với một bộ sử dụng ma túy gồm: 01 (một) bình thủy tinh; 01 (một) ống thủy tinh (nỏ), 01 (một) ống hút nhựa là dụng cụ các bị cáo dùng để sử dụng ma túy nên tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A83 màu trắng bạc có gắn sim số thu của Phạm Hữu L, 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A52 màu trắng bạc có gắn sim số thu của Trần Đình B là công cụ liên lạc để mua bán ma túy là công cụ của các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Số tiền bị cáo B bán ma túy cho bị cáo L được 5.500.000 đồng. Tuy nhiên, B đã tiêu xài cá nhân 200.000 đồng. Thu giữ 5.300.000 đồng. Như vậy, số tiền 5.300.000 đồng là tiền do phạm tội mà có, Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Buộc bị cáo Trần Đình B phải nộp 200.000 đồng.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249; khoản 1 Điều 255; Điều 55; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phạm Hữu L.

Căn cứ vào điểm i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Đình B.

Căn cứ các Điều 106, 292, 293, 299 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Hữu L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Bị cáo Trần Đình B phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Phạm Hữu L 05 (năm) năm 06 (sáu) sáu tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt là 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30 tháng 12 năm 2020.

Xử phạt bị cáo Trần Đình B 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30 tháng 12 năm 2020.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu BENELLI có biển số 59A3-05737, số khung: LBBP10002FB-554904, số máy: BJ265MNA-48506028; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A83 màu trắng bạc có gắn sim số; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A52 màu trắng bạc có gắn sim số và 5.300.000 (năm triệu ba trăm nghìn) đồng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bì thư được niêm phong ghi số 817/PC09 có chứa 5,7025 gam ma túy loại Methamphetamine; một bộ sử dụng ma túy gồm: 01 (một) bình thủy tinh; 01 (một) ống thủy tinh (nỏ), 01 (một) ống hút nhựa.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương; Phiếu hạch toán ngày 05 tháng 5 năm 2021).

Về tiền thu lợi bất chính: Buộc bị cáo B phải nộp ngân sách nhà nước số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng vào ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: Các bị cáo Phạm Hữu L và bị cáo Trần Đình B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Khoa